

Số: 08 /TM-TTYT

Lục Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc thẩm định giá danh mục vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Yên.

Kính gửi: Các công ty, đơn vị thẩm định giá

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTYT ngày 23/12/2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lục Yên về việc mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Yên;

Trung tâm Y tế huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có nhu cầu tiếp nhận báo giá của thẩm định giá danh mục vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Yên, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC YÊN**

Địa chỉ: Tổ 9 thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Hứa Ngọc Huy

Chức vụ: Trưởng Khoa Dược

SĐT: 0914.369.355

Email: duocttytly@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Trung tâm Y tế huyện Lục Yên, Tổ 9 thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, đồng thời nhận qua email: duocttytly@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17h ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục tài sản thẩm định giá (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

2. Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá của đơn vị thẩm định giá.

- Hồ sơ năng lực của đơn vị thẩm định giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của các Nhà cung cấp. Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC
Trần Trung Thành

PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ ĐỀ NGHỊ ĐẦU THẦU NĂM 2025

(Kèm theo Thư mời số: 08/TM-TTYYT ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lục Yên)

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Quy cách: Cuộn ≥ 1 kg; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kg	50	186.900	9.345.000	
2	Bông lót bó bột 10cm	Chất liệu bông 100% Polyester . Kích thước (10cm x $\geq 2,7$ m); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	350	11.000	3.850.000	
3	Băng cuộn	Kích thước: rộng 5cm x dài ≥ 5 m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	1.000	1.300	1.300.000	
4	Băng chỉ thị nhiệt vật lý dùng cho hấp ướt	Kích thước: cuộn (2,4cm $\leq$ 3cm x ≥ 50 m); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA	Cuộn	60	138.000	8.280.000	
5	Băng dính vải	Vải lụa Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo: gồm hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - Đạt tiêu chuẩn CE - EU, ISO 13485 - Được lưu hành tại các nước liên minh châu âu, kích thước 2.5cm x 5m"	Cuộn	2.268	23.500	53.298.000	
6	Băng thun 3 móc	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....Kích thước 10cm x 5,5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	500	15.500	7.750.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
7	Băng thun 2 móc	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....Kích thước 7.5cm x 5.5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13486	Cuộn	500	13.500	6.750.000	
8	Gạc hút nước	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Khổ 0.8m - Không có độc tố, đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. - Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Mét	30.000	3.800	114.000.000	
9	Gạc phẫu thuật không dệt (7,5 cm x 7,5 cm x 6 lớp)	- Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$. Độ pH: trung tính. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. - Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	3.500	350	1.225.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
10	Gạc phẫu thuật (10cm x 10cm x 8 lớp)	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. - Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$. Tiết trùng bằng khí EO.Gas; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	3.500	750	2.625.000	
11	Gạc phẫu thuật (30cm x 40cm x 6 lớp)	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. - Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. - Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. - Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$. Tiết trùng bằng khí EO.Gas; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	3.000	6.300	18.900.000	
12	Gạc meche	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá $0,5\%$. Cấu tạo 6 lớp, kích thước $3,5\text{cm} \times \geq 75\text{cm}$; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	1.000	1.890	1.890.000	
13	Dung dịch cồn khử khuẩn tay nhanh	- Thành phần: Ethanol 80%, Isopropanol 7.2%, Chlorhexidin gluconat 0.5% - Chai $\geq 500\text{ml}$; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	300	110.000	33.000.000	
14	Cồn y tế 70°	- Thành phần: Ethanol 70%. - Quy cách: Can ≥ 30 lít; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	570	27.500	15.675.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
15	Dung dịch rửa tay sát khuẩn trong phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamidopropyl Amine Oxide, Cocodiethanolamide (CDE)... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	25	145.000	3.625.000	
16	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde $\geq 0,55\%$ (w/w). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	35	160.000	5.600.000	
17	Hóa chất pha dung dịch khử khuẩn	Có hàm lượng Active chlorine 25 - 29% Tùng $\geq 25\text{Kg}$; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001.	Kg	350	135.000	47.250.000	
18	Viên pha dung dịch khử khuẩn	Thành phần chính: Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5-6.7) Đạt tiêu chuẩn GMP	Viên	500	4.300	2.150.000	
19	Dung dịch khử khuẩn, tiết khuẩn dụng cụ	Thành phần: Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	160	72.000	11.520.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
20	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	- Thành phần: Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). - Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... - Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. - Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. - Chất tạo màu, hương liệu... - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	39	340.000	13.260.000	
21	Nước cất 2 lần tiệt trùng	- Nước cất 2 lần. Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lít	2.600	15.000	39.000.000	
22	Bơm cho ăn nhựa 50ml, dùng 1 lần	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	400	4.200	1.680.000	
23	Bơm tiêm Insulin 1ml 100UI dùng 1 lần	- Bơm tiêm nhựa liền kim, cỡ kim 30G-31G, 100UI/1ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	40.800	1.260	51.408.000	
24	Bơm tiêm Insulin 1ml 40UI dùng 1 lần	- Bơm tiêm nhựa liền kim, cỡ kim 30G-31G, 40UI/1ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20.200	1.260	25.452.000	
25	Bơm tiêm liền kim 5ml, dùng 1 lần 23G	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tóng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23G. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, ISO 13485.	Cái	60.000	735	44.100.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
26	Born tiêm liên kim 5ml, dùng 1 lần 25G	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, ISO 13485.	Cái	20.000	735	14.700.000	
27	Born tiêm liên kim 10ml, dùng 1 lần	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23G hoặc 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135	Cái	57.600	1.050	60.480.000	
28	Born tiêm liên kim 20ml, dùng 1 lần	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23G hoặc 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135	Cái	20.800	2.000	41.600.000	
29	Born tiêm liên kim 50ml, dùng 1 lần	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim - Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135	Cái	12.400	4.200	52.080.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
30	Kim lấy máu, lấy thuốc 18G	Kim lấy thuốc số 18, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135	Cái	80.000	340	27.200.000	
31	Kim tiêm 23G	- Kim lấy thuốc số 23, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	1.800	340	612.000	
32	Kim luồn tĩnh mạch số 24G	- Kim luồn tĩnh mạch số 24G, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang. Catheter kháng xoắn ống, chần bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến $\geq 96h$. Nguyên liệu FEP Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	6.200	2.600	16.120.000	
33	Kim luồn tĩnh mạch số 22G	- Kim luồn tĩnh mạch số 22G, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang. Catheter kháng xoắn ống, chần bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến $\geq 96h$. Nguyên liệu FEP Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	2.000	2.500	5.000.000	
34	Kim luồn tĩnh mạch số 18G	- Kim luồn tĩnh mạch số 18G, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang. Catheter kháng xoắn ống, chần bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến $\geq 96h$. Nguyên liệu FEP Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	5.000	2.500	12.500.000	
35	Kim quang laser	- Được làm từ chất liệu ETFE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001	Cái	100	26.918	2.691.800	
36	Kim châm cứu đẩy chỉ	- Chất liệu thép không gỉ. Kích thước 0.30x33mm, vỏ trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.800	600	1.080.000	
37	Kim châm cứu số 6	Chất liệu bằng thép không gỉ, dạng vi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	60.000	340	20.400.000	
38	Kim châm cứu số 10	Chất liệu bằng thép không gỉ, dạng vi; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20.000	340	6.800.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
39	Kim chọc dò tùy sóng 25G	- Mũi kim vát hình kim cương sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đốc kim trong suốt, có lăng kính phản quang cho phép phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.000	11.500	11.500.000	
40	Kim chọc dò tùy sóng 27G	- Mũi kim vát hình kim cương sắc bén, cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đốc kim trong suốt, có lăng kính phản quang cho phép phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.000	11.500	11.500.000	
41	Dây truyền dịch có cánh kim cánh bướm	- Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Bùồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135	Bộ	15.500	5.000	77.500.000	
42	Găng tay sử dụng trong thăm khám	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiết trùng, có bột, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	70.000	1.260	88.200.000	
43	Găng tay phẫu thuật chưa tiết trùng	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiết trùng; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	9.500	3.500	33.250.000	
44	Găng tay sản khoa	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, sử dụng được trong sản khoa; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	1.000	15.500	15.500.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
45	Túi đựng nước tiểu	- Sản phẩm bao gồm đầu nối, nắp đầu nối, ống dẫn vào, khóa dòng chảy, van chống trào ngược, túi đựng nước tiểu, ống thoát nước ra ngoài, công tắc ống thoát nước. - Chất liệu: Được làm bằng vật liệu nhựa PVC dùng trong y tế, không có chất gây sốt, - Van xả ở đáy túi: Van chữ T, tuyệt đối không dò rỉ. - Có gắn phụ kiện khóa túi, Ống dẫn vào dài 90cm, có van chống trào ngược và có nắp dây đường kính 6 ± 0.5mm, đường kính van tháo dịch ≥ 9.2 mm. - Có lỗ treo túi - Dung tích Túi 2000 ml, có vạch chia thể tích mỗi 100ml; - Kích thước túi dài 280 mm, rộng 200mm - Tiết trùng bằng khí EO, chỉ sử dụng một lần - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	1.600	5.770	9.232.000	
46	Lọ nhựa	Lọ mẫu phần nhựa PP 60mL, nắp vàng, có nhãn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	1.680	168.000	
47	Ống nghiệm chống đông EDTA	- Chất liệu ống Poly Propylen, chứa Ethylenediaminetetra Acid (EDTA). - Kích thước 13mm x 75mm, có nắp; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	40.800	735	29.988.000	
48	Ống Heparin	Chất liệu ống Poly Propylen, kích thước 13mm x 75mm. chứa Lithium Heparin, có nắp; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	48.000	840	40.320.000	
49	Ống nghiệm miễn dịch	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12mm -13mm x 75mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	1.500	945	1.417.500	
50	Ống nghiệm đựng nước tiểu	Chất liệu nhựa PS, Kích thước: 16mm x ≥ 100mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	50.000	850	42.500.000	
51	Ống nghiệm chống đông Natri citrate 3,8%	Ống thủy tinh 8x120 mm chứa 0.28 ml chất chống đông Natri citrate (3.2%).	Cái	4.800	945	4.536.000	
52	Cốc đựng huyết thanh mẫu	Chất liệu nhựa PS, kích thước 16 x 38mm, 2.5-3ml.; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	4.000	450	1.800.000	
53	Đầu cân vàng	Dung tích 200 μl, làm từ nhựa PP; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10.000	56	560.000	
54	Ống nội khí quản sử dụng một lần các số	Sản xuất từ nhựa PVC y tế cao cấp trong suốt. Có bóng chèn .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	300	14.000	4.200.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
55	Bộ rửa dạ dây khớp kín	Bộ rửa dạ dây hệ thống kín gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với nhau bằng hệ thống dây dẫn kín. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	40	240.000	9.600.000	
56	Sonde thở ô-xy 2 gòng người lớn	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gòng mũi. Không chứa Chất DEHP, được tiết trùng Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000	5.460	5.460.000	
57	Sonde thở ô-xy 2 gòng trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gòng mũi. Không chứa Chất DEHP, được tiết trùng Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	300	5.460	1.638.000	
58	Sonde dạ dây người lớn số 14	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	950	3.990	3.790.500	
59	Sonde dạ dây trẻ em số 6	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	250	3.990	997.500	
60	Sonde dạ dây trẻ em số 8	Chất liệu nhựa PVC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100	3.990	399.000	
61	Sonde thông tiểu 2 nhánh số 14	- Chất liệu 100% cao su tự nhiên, có phủ dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân, không chứa DEHP. Loại 2 nhánh size 14. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2.000	10.400	20.800.000	
62	Sonde hậu môn số 18	Ống thông hậu môn các số 18. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được lọc hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	80	4.000	320.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
63	Sonde hậu môn số 22	Ổng thông hậu môn các số 22. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được bọc hình phễu, đầu còn lại được bọc tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	60	4.000	240.000	
64	Sonde thông tiểu 1 nhánh số 14	Ổng thông tiểu thẳng số 14; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.500	6.000	9.000.000	
65	Ổng dẫn lưu số 5	Chất liệu PVC hoặc cao su thiên nhiên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50	8.500	425.000	
66	Thông (sonde) hút nhớt người lớn số 14	Có 2 loại có nắp và không nắp số 14. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Loại có nắp được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	600	2.800	1.680.000	
67	Sonde hút nhớt sơ sinh số 6	Có 2 loại có nắp và không nắp số 6. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Loại có nắp được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.500	2.800	4.200.000	
68	Dây hút dịch phẫu thuật	Chiều dài 2000mm, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1.200	10.500	12.600.000	
69	Dây nối bơm tiêm điện	Chất liệu nhựa PVC Độ dài dây ≥ 75 cm, đường kính 1.0/2.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	500	5.750	2.875.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
70	Chi phẫu thuật không tiêu số 2/0	Chi phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26mm. Kim thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	480	17.800	8.544.000	
71	Chi phẫu thuật không tiêu số 3/0	Chi phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26mm. Kim thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	1.050	17.000	17.850.000	
72	Chi phẫu thuật không tiêu số 4/0	Chi phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18mm. Kim thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	200	17.800	3.560.000	
73	chi phẫu thuật không tiêu số 5/0	Chi phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. Kim thép 300 phủ silicon. Kim thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	300	21.000	6.300.000	
74	Chi phẫu thuật tự tiêu số 4/0	- Chi phẫu thuật liên kim Chromic catgut số 4/0. Chiều dài sợi chỉ $\geq$ 75cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	600	12.000	7.200.000	
75	Chi phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 0	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% Calcium Stearate, chỉ số 0, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	200	91.000	18.200.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
76	Chi phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	1.600	92.000	147.200.000	
77	Chi phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% Calcium Stearate, chỉ số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, dài 26mm 1/2 đường tròn, kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh mặt trong và mặt ngoài của thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	500	82.600	41.300.000	
78	Chi phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, dài 26mm 1/2 đường tròn, kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	100	79.000	7.900.000	
79	Chi phẫu thuật tự tiêu Polyglactin số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH-2 Plus, dài 20mm 1/2 đường tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh trên bề mặt trong và ngoài kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	100	83.000	8.300.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
80	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh Polyglactin số 2/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 hoặc tương đương có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Sợi	1.100	101.000	111.100.000	
81	Bàn cực âm dao điện (dùng 1 lần)	Bàn cực trung tính dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001	Cái	800	27.000	21.600.000	
82	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần số 11	Chất liệu thép carbon và thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Số 11	Cái	400	1.200	480.000	
83	Phim khô X-quang in laser (25 x 30cm)	Kích cỡ: 25 x 30cm Sử dụng được cho máy in phim khô Drypix 6000; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tờ	45.000	20.400	918.000.000	
84	Nẹp bản rộng 9 lỗ	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 9 lỗ dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	580.000	5.800.000	
85	Nẹp bản rộng 8 lỗ	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 8 lỗ dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	580.000	5.800.000	
86	Nẹp bản rộng 6 lỗ	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 6 lỗ dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	580.000	5.800.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
87	Nẹp bán vữa 8 lỗ	Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 8 lỗ dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	15	420.000	6.300.000	
88	Nẹp bán vữa 6 lỗ	Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 6 lỗ dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	15	420.000	6.300.000	
89	Nẹp bán nhỏ 8 lỗ	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 8 lỗ dùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	15	320.000	4.800.000	
90	Nẹp bán nhỏ 6 lỗ	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 6 lỗ dùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	320.000	3.200.000	
91	Nẹp chữ L bên trái	Dày 2,5mm; rộng 15,7mm Có 4/5/6/7/8/9/10 lỗ trái dùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	508.000	2.540.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
92	Nẹp chữ L bên phải	Dày 2,5mm; rộng 15,7mm Có 4/5/6/7/8/9/10 phải đùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	508.000	2.540.000	
93	Nẹp chữ T	Dày 2,5mm; rộng 15,7mm Có 4/5/6/7/8/9/10 lỗ đùng vít xương cứng 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	400.000	4.000.000	
94	Nẹp lòng máng 8 lỗ	Dày 1,5mm; rộng 10,0mm Có 8 lỗ đùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	235.000	2.350.000	
95	Nẹp lòng máng 6 lỗ	Dày 1,5mm; rộng 10,0mm Có 6 lỗ đùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	235.000	2.350.000	
96	Nẹp mắt xích 8 lỗ	Dày 3,0mm; rộng 11,0mm Có 8 lỗ đùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	445.000	4.450.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
97	Nẹp mắt xích 6 lỗ	Dây 3,0mm; rộng 11,0mm Có 6 lỗ dùng vít xương cứng 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	10	445.000	4.450.000	
98	Vít xương cứng 4,5mm	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	250	36.000	9.000.000	
99	Vít xương cứng 3,5mm (dài 32mm)	Dài 32mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	250	36.000	9.000.000	
100	Vít xương cứng 3,5mm (dài 30mm)	Dài 30mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	250	36.000	9.000.000	
101	Vít xương cứng 3,5mm (dài 28mm)	Dài 28mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	250	36.000	9.000.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
102	Vít xương xóp cổ 3,5mm	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	50	85.000	4.250.000	
103	Vít xương xóp cổ 4,0mm	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 4,0mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	50	85.000	4.250.000	
104	Vít xương xóp cổ 4,5mm	Dài 25-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 8,0mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 4,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	50	85.000	4.250.000	
105	Đinh Kirchner 1.0	Chất liệu thép không gỉ đường kính 1,0mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	20	36.000	720.000	
106	Đinh Kirchner 1.2	Chất liệu thép không gỉ đường kính 1,2mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	20	36.000	720.000	
107	Đinh Kirchner 1.5	Chất liệu thép không gỉ đường kính 1,5mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	30	36.000	1.080.000	
108	Đinh Kirchner 1.8	Chất liệu thép không gỉ đường kính 1,8mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	30	36.000	1.080.000	
109	Đinh Kirchner 2.0	Chất liệu thép không gỉ đường kính 2,0mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	50	36.000	1.800.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
110	Đinh Kirchner 2.5	Chất liệu thép không gỉ đường kính 2,5mm, nhọn hai đầu; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	30	36.000	1.080.000	
111	Nep cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30	115.000	3.450.000	
112	Nep cổ mềm	Làm từ mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20	55.000	1.100.000	
113	Đai cố định xương	Làm từ chất liệu chun, vải, vải không dệt. Có 2 loại chiều cao 15cm và 12cm. Có khóa Velcro. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	105.000	5.250.000	
114	Nep cánh tay trái	Làm từ vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	205.000	6.150.000	
115	Nep cánh tay phải	Làm từ vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	205.000	6.150.000	
116	Nep Căng tay trái	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông, băng nhám dính khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	156.000	4.680.000	
117	Nep Căng tay phải	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông, băng nhám dính khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	156.000	4.680.000	
118	Nep cố định căng tay trái	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông, băng nhám dính (khóa Velcro) và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	132.000	6.600.000	
119	Nep cố định căng tay phải	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông, băng nhám dính (khóa Velcro) và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	132.000	6.600.000	
120	Băng cố định khớp vai trái	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	205.000	6.150.000	
121	Băng cố định khớp vai phải	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	205.000	6.150.000	
122	Nep căng chân ngắn	Được làm từ những chất liệu thoáng mát, dễ thoát mồ hôi, giúp cho người sử dụng có cảm giác thoải mái. Thanh nẹp hợp kim nhôm giúp giữ được tư thế cố định mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	185.000	5.550.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm V.A.T) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
123	Nẹp căng chân dài	Được làm từ những chất liệu thoáng mát, dễ thoát mồ hôi, giúp cho người sử dụng có cảm giác thoải mái. Thanh nẹp hợp kim nhôm giúp giữ được tư thế cổ định mong muốn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	187.000	5.610.000	
124	Nẹp gối	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	100	252.000	25.200.000	
125	Băng thun gối	Làm từ chất liệu Neoprene tự dính, Băng nhám dính. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	115.000	5.750.000	
126	Áo cột sống	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	15	390.000	5.850.000	
127	Đai hỗ trợ cổ chân	Làm từ chất liệu Neoprene tự dính, Băng nhám dính. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	15	42.000	630.000	
128	Nẹp bóng chày	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Dùng cổ định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cổ định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoài biên... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	14.000	700.000	
129	Nẹp Isclin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm đặc biệt, lót bên trong một lớp xốp mềm. Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Dùng cổ định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cổ định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoài biên... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	12.600	630.000	
130	Đai thắt lưng người lớn	Làm từ vải lưới cứng, vải lưới co giãn, khóa velcro và thanh nẹp đàn hồi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10	330.000	3.300.000	
131	Đai số 8	Làm từ vải cotton, mút xốp, khóa velcro. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	110.000	3.300.000	
132	Túi treo tay	Làm từ vải thoáng khí, hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp dễ dàng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	40.000	4.000.000	
133	Bột bó thủy tinh 5cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước rộng x dài: 5cm x 360cm	Cuộn	50	62.500	3.125.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
134	Bột bó thủy tinh 7.5cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đóng kết khoảng từ 2-4 phút. Đóng kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước rộng x dài: 7.5cm x 360cm	Cuộn	50	80.500	4.025.000	
135	Bột bó thủy tinh 10cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đóng kết khoảng từ 2-4 phút. Đóng kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước rộng x dài: 10cm x 360cm	Cuộn	30	103.500	3.105.000	
136	Bột bó thủy tinh 12.5cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đóng kết khoảng từ 2-4 phút. Đóng kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước rộng x dài: 12.5cm x 360cm	Cuộn	30	125.500	3.765.000	
137	Lưới điều trị thoát vị PP Mesh (VUP Medical)	Chất liệu lưới là Polypropylene monofilament, Kích thước miếng lưới 15x10cm phù hợp giải phẫu, trọng lượng lưới nhẹ 38g/m2 giúp giảm dị vật trên cơ thể bệnh nhân, giảm phản ứng viêm. Kích thước lỗ lưới rộng: 1.5mm, lưới dệt co giãn đa chiều	Túi	20	386.000	7.720.000	
138	Đè lưới gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên; được bọc màng nilon. Kích thước dài x rộng x dày: 150mm x 20mm x 2 mm ± 10%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	17.500	275	4.812.500	
139	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Tiết trùng bằng khí E.O; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1.500	1.350	2.025.000	
140	Mặt nạ (mask) thở oxy các cỡ	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lồng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	520	12.600	6.552.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
141	Mặt nạ (mask) thở oxy có túi không bị xoắn vặn. Mặt nạ gồm dây đeo đàn hồi, túi hít lại, dây nối dài 2m, túi trữ khí 1000ml Tiệt trùng bằng khí E.O Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chất liệu nhựa PVC mềm, không chứa DEHP, Latex, trong suốt, dây không bị xoắn vặn. Mặt nạ gồm dây đeo đàn hồi, túi hít lại, dây nối dài 2m, túi trữ khí 1000ml Tiệt trùng bằng khí E.O Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500	15.120	7.560.000	
142	Mask khí dung	Chất liệu: Nhựa PVC. Chiều dài dây dẫn dài $\geq 2m$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	700	14.000	9.800.000	
143	Giấy điện tim 3 cần 57mm	Chiều rộng khổ giấy 57mm x $\geq 20m$	Cuộn	20	10.500	210.000	
144	Giấy điện tim 3 cần 80mm	Chiều rộng khổ giấy 80mm x $\geq 20m$	Cuộn	12	17.000	204.000	
145	Giấy điện tim 6 cần	- Kích thước: 110mm x 140mm x ≥ 142 tờ (dạng cuộn) Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485	Cuộn	230	34.000	7.820.000	
146	Giấy in máy monitor sản khoa	Kích thước 150mm x 100mm x ≥ 150 tờ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001	Tệp	50	32.600	1.630.000	
147	Giấy siêu âm	Kích thước 110mm x $\geq 20m$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	410	115.000	47.150.000	
148	Giấy in nước tiểu	Kích thước rộng 58mm, chiều dài $\geq 20m$	Cuộn	100	10.500	1.050.000	
149	Gel bôi trơn nội soi	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng; tuýp $\geq 80g$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tuýp	15	75.000	1.125.000	
150	Gel siêu âm	Thành phần: Nước tinh khiết, Carbomer, glycerin... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lít	60	22.000	1.320.000	
151	Bình dẫn lưu áp lực âm 400ml	Bình dẫn lưu vết thương (áp lực âm) thể tích 400ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE	Cái	300	94.290	28.287.000	
152	Bình dẫn lưu áp lực âm 200ml	Bình dẫn lưu vết thương (áp lực âm) thể tích 200ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE	Cái	200	94.290	18.858.000	

Số TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ yêu cầu kỹ thuật cơ bản (làm cơ sở xây dựng giá)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm năm 2025	Đơn giá dự kiến 2025 (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền dự kiến (VNĐ)	Ghi chú
153	Túi camera	Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mềm mịn có độ dẻo dai.+ Dây cotton màu trắng, có độ bền cao+ Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da. Tiết trùng bằng khí EO.Gas Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.500	6.000	9.000.000	
154	Khẩu trang y tế	- Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da.tiết trùng. Đóng gói 01 cái/gói Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	28.600	1.050	30.030.000	
155	Mũ giấy	Vải không dệt polypropylen. Vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10.000	1.050	10.500.000	
156	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol- acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	2	300.000	600.000	
157	Sáp Parafin	Chất rắn dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị	Kg	150	65.000	9.750.000	
158	Dầu Parafin	Dạng lỏng, không màu, trong suốt, không vị	Chai	30	57.500	1.725.000	
159	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết dùng để đo nồng độ đường huyết trong máu tươi toàn phần. Sử dụng được cho máy đường huyết VivaChek INO ISO 13485	Cái	2.000	5.000	10.000.000	
160	Dụng cụ phát hiện thai sớm	- Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	80	2.415	193.200	
161	Tăm bông vô trùng	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng bằng EO Gas Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	200	1.500	300.000	
162	Vôi soda	Vôi soda. Cỡ hạt $\geq 2.5 \rightarrow 5.0$ mm. Can 4,5kg Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Can	4	630.000	2.520.000	
Tổng cộng: 162 khoản						3.016.079.000	

(Thành tiền bằng chữ: Ba tỷ, không trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).